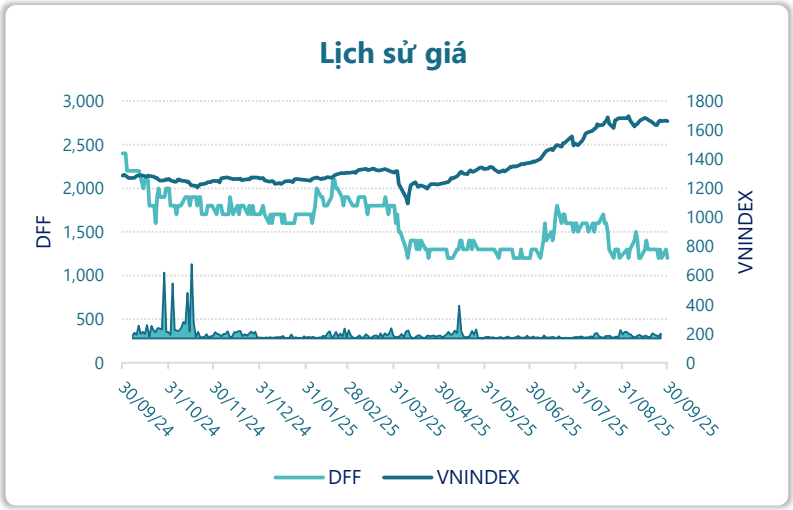
FireAnt

CTCP Tập đoàn Đua Fat (UPCOM: DFF)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,200
SL cổ phiếu LH	80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,078,205
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
P/E	-0.1
EPS	-11,570

DT thuần

Q3/25

43.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.80| -1.9%

YoY: ▲ 17.6| 68.1%

LN sau thuế

Q3/25

-368

tỷ VNĐ

QoQ: ▼142| -62.8%

YoY: ▼315| -594%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-728%

+/- YoY: ▼ 733%

DT thuần

9T 2025

162

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.0| 51.0%

LN sau thuế

9T 2025

-711

tỷ VNĐ

YoY: ▼523| -278%

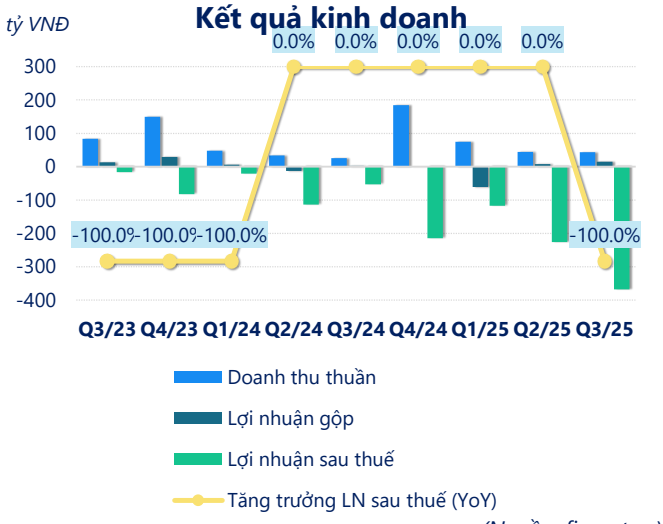
ROE

Q3/25

-4748%

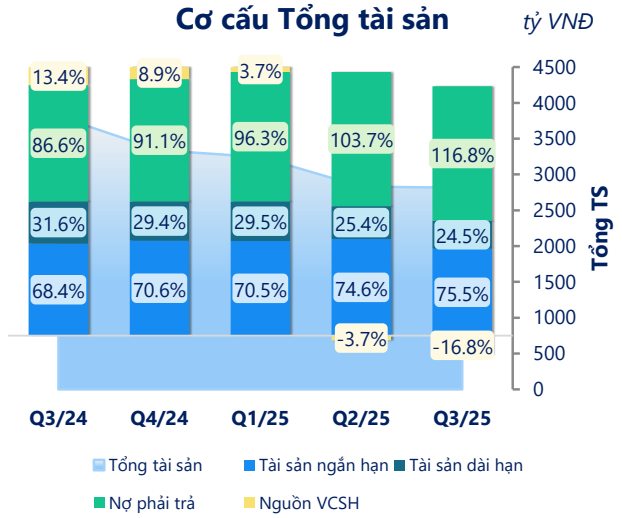
+/- YoY: ▼ 4708%

Kết quả kinh doanh



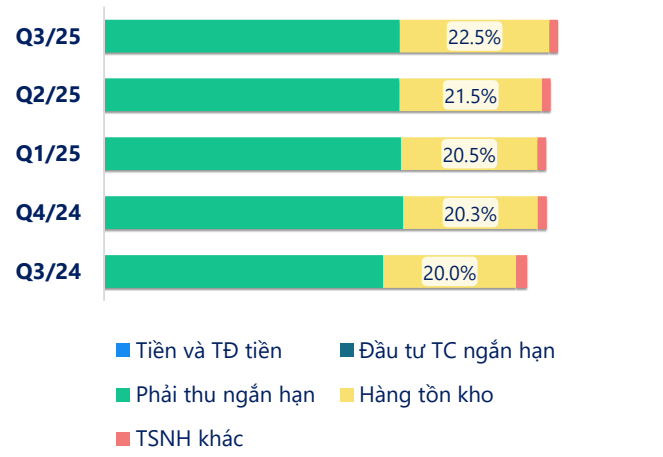
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



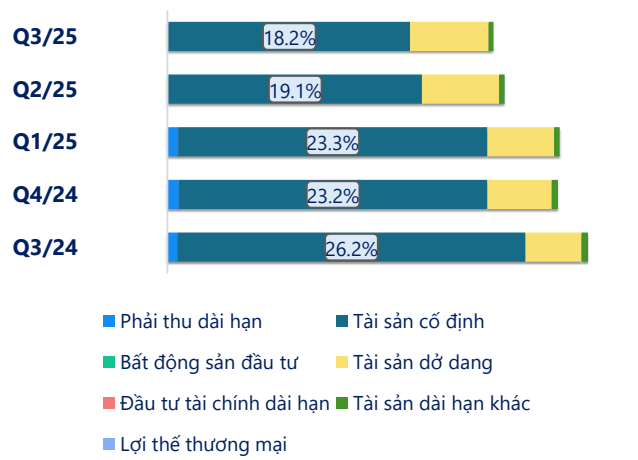
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



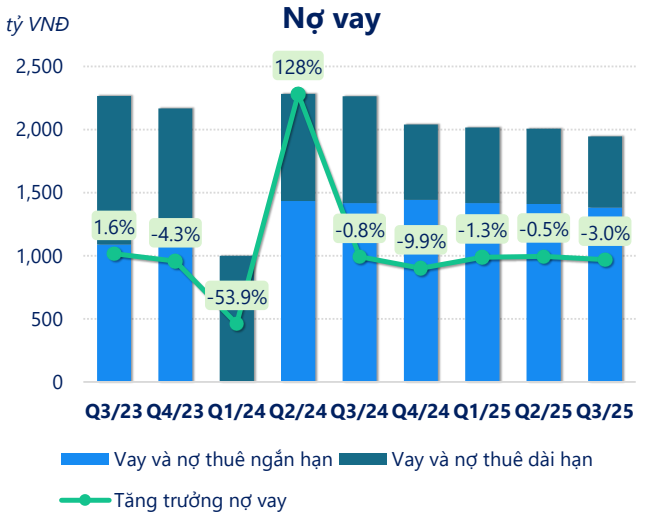
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



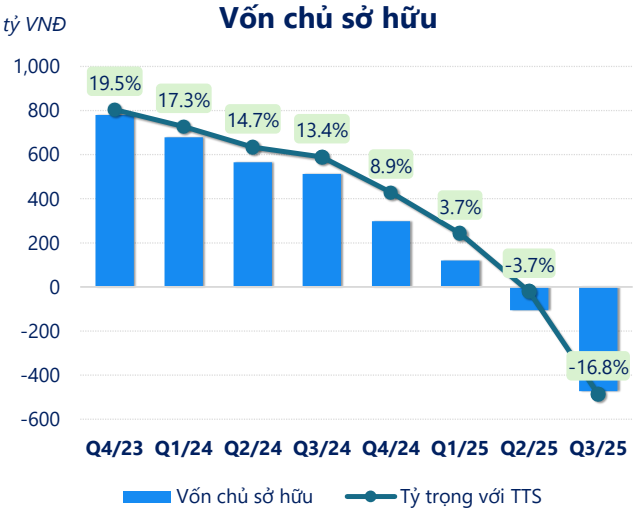
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



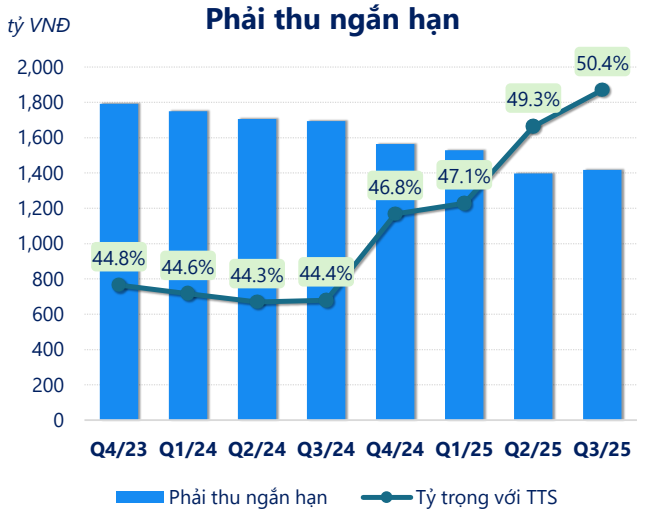
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



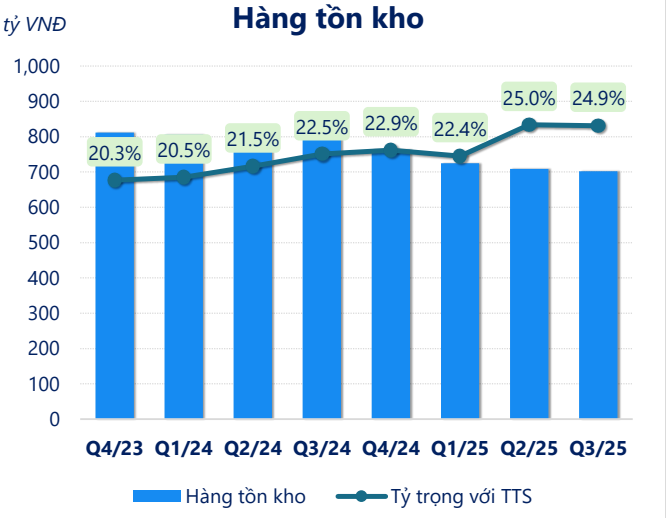
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



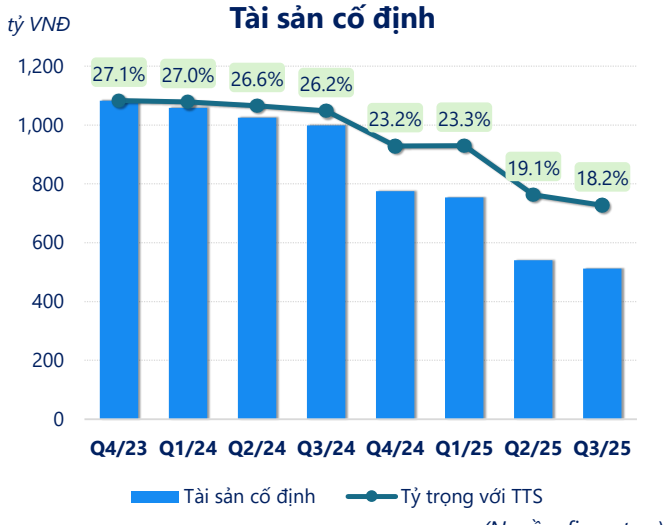
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



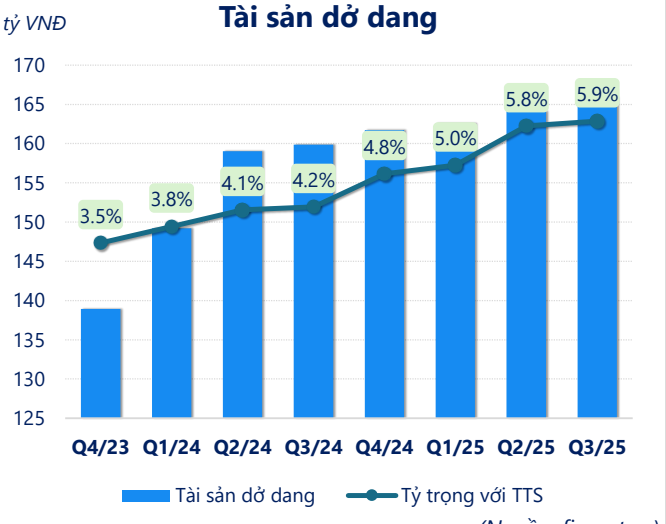
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



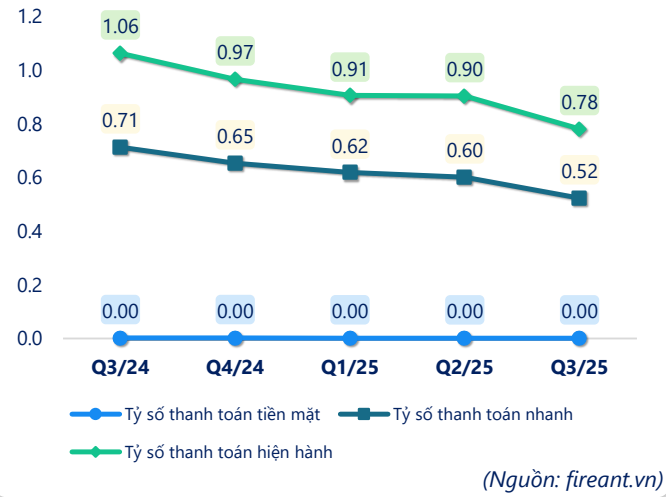
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



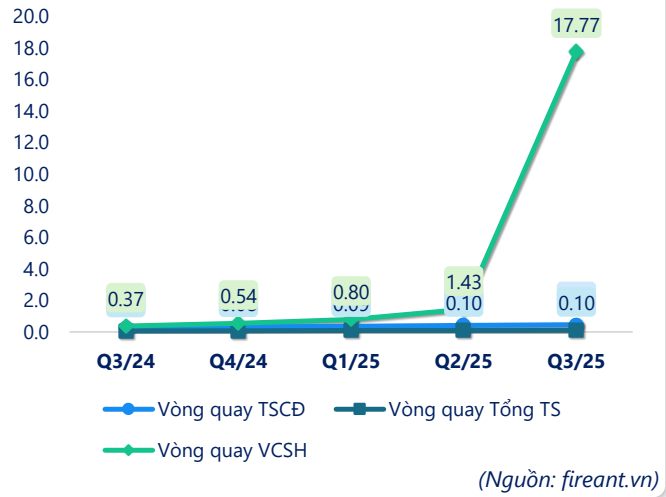
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**3,814**	**3,338**	**3,243**	**2,833**	**2,816**
Tài sản ngắn hạn	**2,607**	**2,358**	**2,286**	**2,114**	**2,125**
Tiền và tương đương tiền	5.20	5.21	2.94	2.21	2.56
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	1,693	1,564	1,529	1,397	1,418
Hàng tồn kho	859	763	725	709	702
Tài sản ngắn hạn khác	50.4	25.7	28.8	6.27	2.74
Tài sản dài hạn	**1,206**	**980**	**957**	**719**	**690**
Phải thu dài hạn	28.5	28.5	26.2	2.29	2.29
Tài sản cố định	999	775	754	540	512
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	160	162	163	164	166
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.00	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	18.9	15.2	14.2	12.1	10.4
Lợi thế thương mại	0	0	0.03	0.03	0.02
Nợ phải trả	**3,301**	**3,040**	**3,123**	**2,939**	**3,289**
Nợ ngắn hạn	**2,454**	**2,441**	**2,524**	**2,340**	**2,722**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,417	1,442	1,417	1,411	1,381
Phải trả người bán ngắn hạn	529	531	518	297	296
Nợ dài hạn	848	599	599	599	568
Vay và nợ thuê dài hạn	847	598	598	595	564
Nguồn vốn chủ sở hữu	**512**	**298**	**120**	**-105**	**-473**
Vốn chủ sở hữu	**512**	**298**	**120**	**-105**	**-473**
Vốn điều lệ	800	800	800	800	800
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)